

Thanh Ba, ngày 19 tháng 04 năm 2018

DỰ THẢO

## BÁO CÁO

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2017, phương án sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ**

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017, Phòng tài chính kế toán kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ một số nội dung chính sau đây:

### I. Tình hình tài chính năm 2017:

#### 1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Sản lượng xi măng sản xuất	Tấn	302.432,53	269.679,3	↓ 10,83%
2	Sản lượng Clinker sản xuất	Tấn	239.911,78	202.173	↓ 15,73%
3	Sản lượng xi măng tiêu thụ	Tấn	302.661,12	271.140,3	↓ 10,41%
4	Sản lượng Clinker tiêu thụ	Tấn	9.004,03	0	
5	Tổng tài sản	Tr.đ	524.643	518.214	↓ 1,23%
-	Tài sản ngắn hạn	Tr.đ	81.367	76.782	↓ 5,64%
-	Tài sản dài hạn	Tr.đ	443.276	441.432	↓ 0,42%
6	Tổng nguồn vốn	Tr.đ	524.643	518.214	↓ 1,23%
-	Nợ phải trả	Tr.đ	521.455	529.527	↑ 1,55%
-	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	337.803	359.176	↑ 6,33%
-	Nợ dài hạn	Tr.đ	183.652	170.351	↓ 7,24%
-	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	3.188	(11.313)	↓ 354,86%
7	Doanh thu	Tr.đ	281.864	238.084	↓ 15,53%
8	Lợi nhuận	Tr.đ	(1.315)	(14.501)	↓ 1.002,7%
9	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn		0,241	0,214	
10	Khả năng thanh toán nhanh		0,121	0,1	

## 2. Thuận lợi và khó khăn:

### a. Thuận lợi:

- Trong những năm gần đây, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nên Nhà nước đã thực hiện các biện pháp kiềm chế lạm phát, cắt giảm đầu tư công nhằm ổn định kinh tế vĩ mô... Do đó, hàng loạt dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản bị đình trệ. Khối lượng xây dựng giảm, nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng giảm, trong đó có xi măng. Năm 2017, mặc dù chưa hoàn toàn thoát khỏi những khó khăn nhưng lĩnh vực xây dựng đã có dấu hiệu phục hồi tích cực với sự phục hồi chung của nền kinh tế, nhiều dự án đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng trở lại, nhu cầu xây dựng của người dân tăng và việc đẩy mạnh đầu tư xây dựng các công trình từ nguồn vốn ngân sách. Giá bán xi măng hiện nay chưa có biến động lớn Xi măng tại các nhà máy và giá bán lẻ xi măng trong năm 2017 vẫn giữ ổn định so với cuối năm 2016. Giá bán lẻ xi măng tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung phổ biến từ 1.050.000 -1.550.000 đồng/tấn; tại các tỉnh miền Nam phổ biến từ 1.460.000 -1.850.000 đồng/tấn). Điều này một phần là do đẩy mạnh xuất khẩu, mặt khác do có sự điều chỉnh trong những năm vừa qua. Sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng cũng có nhiều chuyển biến. Khép lại năm 2017, ngành xi măng có được kết quả ngoài dự kiến với tổng sản phẩm tiêu thụ đạt 80 triệu tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2016, riêng xi măng tiêu thụ nội địa đạt 60,2 triệu tấn, tăng 1,0% so với năm 2016. Dự báo, tiêu thụ xi măng năm 2018 sẽ tăng 4-6% so với năm 2017, đạt khoảng 83-85 triệu tấn (Theo Số liệu của Tổng cục thống kê báo cáo và đăng tải trên website ximang.vn).

- Hoạt động của dây chuyền sản xuất cơ bản ổn định và phát huy được công suất của thiết bị. Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao, sản phẩm của Công ty ngày càng có uy tín trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng. Điều này có tầm ảnh hưởng rất lớn đến vị thế của Công ty trên thị trường. Chất lượng xi măng đảm bảo, khả năng cung ứng nhanh, kịp thời, giá cả hợp lý đã giúp thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú" chiếm được niềm tin của đại đa số người tiêu dùng và dần trở thành một thương hiệu mạnh so với các thương hiệu xi măng khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận.

### b. Khó khăn:

Các nhân tố vĩ mô ảnh hưởng đến SXKD: Dự báo năm 2018, tình hình kinh tế cả nước vẫn còn nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng đầu tư không có nhiều đột biến, thị trường bất động sản phục hồi chậm. Bên cạnh đó, dự báo năm

2018 sau khi một số dự án có công suất lớn tiếp tục hoàn thành và đi vào hoạt động như : Xi măng Sông Lam giai đoạn 2, Xi măng Tân Thắng, Xi măng Xuân Thành 2..., ngành xi măng sẽ dư cung từ 25% - 30% so với nhu cầu tiêu thụ nội địa, làm tăng áp lực tiêu thụ của của toàn ngành xi măng, đặc biệt là áp lực tiêu thụ trong xuất khẩu xi măng.

Ngoài những yếu tố thuận lợi giúp Công ty phát triển bền vững thì tình hình tài chính của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn:

- Dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất tối đa 1.200 tấn clanhke/ngày liên tục phải dừng để khắc phục sự cố hoặc do thiếu nguyên liệu. Trong năm Công ty đã phải dừng lò tới 4.653 giờ. Chi phí đưa vào sửa chữa khắc phục sự cố và chi phí đốt lại lò theo đó tăng cao. Tổng chi phí vật liệu chịu lửa sửa chữa lò trong năm 2017 là 6.474 triệu đồng.

- Giá thành sản xuất sản phẩm tăng do giá cả các loại nguyên nhiên vật liệu đầu như than cám, điện ... tăng cao. Mặc dù giá điện chiếm tỷ trọng không lớn trong giá thành xi măng, nhưng khi giá điện tăng sẽ kéo theo hàng loạt các chi phí, dịch vụ khác ăn theo, tác động đến kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ngoài những nguyên nhân tăng giá nguyên liệu, tăng giá điện, Công ty phải nhập silic hàm lượng cao với giá cao 60.000 đ/tấn do mỏ được cấp khai thác đã hết trữ lượng có thể sử dụng được

- Năm 2017, Công ty phải dừng sản xuất 195 ngày vì không có nguyên liệu để sản xuất (đá, đất sét, đất silic) do một số hộ dân ở khu 3 – xã Yên Nội - huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ dựng lều bạt trong khu vực mỏ không cho Công ty nổ mìn khai thác đá từ tháng 04/2017. Các cấp chính quyền địa phương phối hợp với công ty đã tích cực giải quyết ngay từ đầu nhưng đến tháng 09/2017 mới giải quyết xong.

- Các nhà cung cấp và nhà phân phối đang hạn chế cung cấp nguyên vật liệu đầu vào do không đáp ứng được các điều khoản thanh toán (nợ phải trả tăng) do không vay được vốn lưu động.

### 3. Quan hệ với các tổ chức tín dụng và các khách hàng.

STT	Đối tượng khách nợ	Đơn vị	Công nợ tính đến 31/12/2017
1	Gốc vay ngắn hạn	Đồng	22.159.642.714
-	Ngân hàng Vietinbank	Đồng	3.800.000.000
-	Ngân hàng BIDV	Đồng	18.359.642.714
2	Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân	Đồng	6.113.449.300
3	Gốc vay dài hạn trả cho các năm tiếp theo	Đồng	207.457.753.465

	- Ngân hàng Phát triển	Đồng	98.416.272.092
	- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	Đồng	55.171.260.628
	- Ngân hàng Quốc tế	Đồng	53.870.220.745
4	Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân	Đồng	11.250.000.000
5	Nợ lãi vay dài hạn	Đồng	88.884.561.075
	- Ngân hàng Quốc tế	Đồng	34.136.060.064
	- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	Đồng	5.911.864.478
	- Ngân hàng Phát triển	Đồng	48.836.636.533

Qua việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, phân tích khả năng thực hiện phương án sản xuất kinh doanh và đưa ra kế hoạch cụ thể cho năm 2018, để thực hiện được Công ty CP xi măng Phú Thọ cần số vốn lưu động tối thiểu từ 70 – 80 tỷ đồng. Mặc dù đã được các ngân hàng tạo điều kiện cho vay vốn ngắn hạn, tuy nhiên năm 2017 công ty vẫn thiếu hơn 40 tỷ đồng vốn lưu động trực tiếp phục vụ sản xuất. Việc thiếu vốn ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD, Công ty đã nhiều lần phải ngừng sản xuất do không đủ nguyên vật liệu đáp ứng chạy dây chuyền, do đó năng suất sản phẩm không cao trong khi đó chi phí cố định là không thay đổi làm tăng giá thành sản phẩm. Việc dừng lò thường xuyên cũng ảnh hưởng đến mức độ hoạt động ổn định và tuổi thọ của toàn bộ dây chuyền. Để đảm bảo sản xuất, công ty phải mua nợ nguyên vật liệu, vật tư. Tuy nhiên, các nhà cung cấp hiện nay cũng không cho nợ thêm do số dư công nợ quá cao. Nhu cầu vốn lưu động tối thiểu năm 2018 dự kiến là 70 tỷ đồng, do hạn mức vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công thương tiếp tục giảm 300 triệu đồng/tháng vì không có tài sản đảm bảo. Như vậy, vốn ngắn hạn năm 2018 công ty thiếu là 50 tỷ đồng.

Đồng thời, do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty liên tiếp lỗ, bị xếp vào nhóm tín dụng xấu và mất khả năng trả nợ với các tổ chức tín dụng nên việc vay thêm vốn đầu tư dài hạn từ các ngân hàng là không khả thi. Mặt khác, toàn bộ tài sản, đất đai đã thế chấp tại ngân hàng nên việc vay thêm vốn lưu động là không thể. Nếu sẽ dẫn tới đóng cửa nhà máy, ảnh hưởng tới việc làm của gần 400 lao động, các thiệt hại do máy móc thiết bị ngừng hoạt động, thiệt hại toàn bộ chi phí khấu hao, chi phí lãi vay ngắn hạn và dài hạn sẽ mất hoàn toàn nguồn thanh toán, ước tính tổng thiệt hại mỗi năm khoảng 54.000 triệu đồng (khấu hao 26.000 triệu đồng, lãi vay 24.000 triệu đồng, thực hiện chế độ đối với người lao động 5.300 triệu đồng,...). Toàn bộ nợ phải trả cho các Ngân hàng, các nhà thầu, các nhà cung cấp, cơ quan bảo hiểm và

NSNN, .... tổng giá trị 529.526 triệu đồng sẽ không có khả năng hoàn trả, kéo theo hệ lụy về phong tỏa tài sản, kiện tụng, tranh chấp,... Toàn bộ hệ thống nhà phân phối và thị trường xi măng xây dựng từ trước đến nay sẽ bị phá vỡ.

## II. Phương án sản xuất kinh doanh năm 2018:

### 1. Tình hình kinh tế - xã hội

Năm 2018 được đánh giá là năm tiếp tục khó khăn đối với ngành xi măng cả nước nói chung và xi măng Phú Thọ nói riêng. Theo đánh giá của Vụ vật liệu xây dựng, áp lực tiêu thụ xi măng năm 2018 cao hơn năm 2017 khi mà nguồn cung của thị trường tăng thêm do sự xuất hiện của hàng loạt các nhà máy xi măng mới công suất lớn, xuất khẩu có nhiều tín hiệu khả quan nhưng khả năng chưa đáp ứng được kỳ vọng, trong khi dự báo nhu cầu xi măng năm 2018 tăng không đáng kể.

### 2. Mục tiêu, định hướng :

Lấy sản xuất kinh doanh xi măng là mục tiêu chính, lấy hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty cổ phần Xi măng Phú Thọ, khẳng định vững chắc thương hiệu "Xi măng Vĩnh Phú".

### 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ %	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
<b>1</b>	<b>Sản lượng sản xuất sản phẩm</b>					
1.1	Clinker lò quay	Tấn	202.173	250.000	123,6%	
1.2	Xi măng bột PCB40	Tấn	237.674	231.000	97,2%	
1.3	Xi măng bột PCB30	Tấn	32.045	69.000	215,3%	
1.4	Xi măng PCB40 bao	Tấn	229.638	210.000	91,4%	
1.5	Xi măng PCB30 bao	Tấn	31.390	60.000	191,1%	
1.6	Đá khách hàng	M3	26.753	60.000	224,3%	
<b>2</b>	<b>Giá thành sản xuất sản phẩm</b>					
2.1	Clinker lò quay	Đ/Tấn SP	700.321	704.632	100,6%	
2.2	Xi măng bột PCB40	Đ/Tấn SP	684.970	668.570	97,6%	
2.3	Xi măng bột PCB30	Đ/Tấn SP	612.905	604.851	98,7%	
2.4	Xi măng PCB40 bao	Đ/Tấn SP	782.906	767.953	98,1%	
2.5	Xi măng PCB30 bao	Đ/Tấn SP	699.011	690.322	98,7%	
2.6	Đá khách hàng	Đ/M3 SP	92.343	91.700	99,3%	

<b>3</b>	<b>Tổng giá thành SX sản phẩm</b>	<b>Tr. đồng</b>			
3.1	Clinker thương phẩm	Tr. đồng	141.586	176.158	124,4%
3.2	Xi măng bột PCB40	Tr.đồng	162.780	154.440	94,9%
3.3	Xi măng bột PCB30	Tr.đồng	19.641	41.735	212,5%
3.4	Xi măng PCB40 bao	Tr. đồng	179.432	161.270	89,9%
3.5	Xi măng PCB30 bao	Tr. đồng	21.942	41.419	188,8%
3.6	Đá khách hàng	Tr. đồng	2.470	5.502	222,7%
<b>4</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>				
4.1	Clinker thương phẩm	Tấn	-	-	
4.2	Xi măng bột PCB40	Tấn	8.602	21.000	244,1%
4.3	Xi măng bột PCB30	Tấn	931	9.000	966,7%
4.4	Xi măng PCB40 bao	Tấn	230.063	210.000	91,3%
4.5	Xi măng PCB30 bao	Tấn	31.542	60.000	190,2%
4.6	Đá khách hàng	M3	26.465	60.000	226,7%
<b>5</b>	<b>Doanh thu tiêu thụ sản phẩm</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>237.968</b>	<b>259.681</b>	118,1%
5.1	Clinker thương phẩm	Tr. đồng	-	-	
5.2	Xi măng bột PCB40	Tr.đồng	6.085	15.180	249,5%
5.3	Xi măng bột PCB30	Tr.đồng	619	5.981	966,2%
5.4	Xi măng PCB40 bao	Tr. đồng	201.745	184.760	91,6%
5.5	Xi măng PCB30 bao	Tr. đồng	26.485	48.258	182,2%
5.6	Đá khách hàng + khác	Tr. đồng	3.034	5.502	181,3%
<b>6</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>212.262</b>	<b>227.675</b>	115,7%
6.1	Clinker thương phẩm	Tr. đồng	-	-	
6.2	Xi măng bột PCB40	Tr. đồng	5.860	14.040	239,6%
6.3	Xi măng bột PCB30	Tr. đồng	570	5.444	955,1%
6.4	Xi măng PCB40 bao	Tr.đồng	180.135	161.270	89,5%
6.5	Xi măng PCB30 bao	Tr.đồng	22.042	41.419	187,9%
6.6	Đá khách hàng + khác	Tr.đồng	3.655	5.502	150,5%
<b>7</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>11.783</b>	<b>14.726</b>	125%
7.1	- Chi phí nhân viên quản lý	Tr. đồng	4.672	6.503	139,2%
7.2	- Chi phí vật liệu quản lý	Tr. đồng	901	840	93,2%
7.3	- Chi phí CCDC quản lý	Tr. đồng	242	480	198,3%
7.4	- Chi phí khấu hao TSCĐ	Tr. đồng	470	453	96,4%
7.5	- Chi phí Thuế, phí, lệ phí	Tr.đồng	1.260	1.650	130,9%
7.6	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tr. đồng	4.238	4.800	113,3%
<b>8</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>3.901</b>	<b>3.575</b>	91,6%
8.1	- Chi phí nhân viên bán hàng	Tr. đồng	-	65	
8.2	- Chi phí vật liệu bán hàng	Tr. đồng	4	10	250%
8.3	- Chi phí CCDC bán hàng	Tr. đồng	-	-	

8.4	- Chi phí khấu hao TSCĐ	Tr. đồng	13	-	
8.5	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tr. đồng	3.884	3.500	90,1%
9	<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>19</b>	<b>15</b>	<b>78,9%</b>
10	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>25.151</b>	<b>23.615</b>	<b>93,9%</b>
10.1	Chi phí lãi vay dài hạn	Tr. đồng	20.512	19.855	96,8%
10.2	Chi phí lãi vay và nợ ngắn hạn	Tr. đồng	3.734	3.760	100,7%
11	<b>Thu nhập khác</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>613</b>	<b>30</b>	<b>4,9%</b>
12	<b>Chi phí khác</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>3,5</b>	<b>0</b>	
13	<b>Kết quả sản xuất kinh doanh</b>	<b>Tr. đồng</b>	<b>(14.501)</b>	<b>(9.865)</b>	
15	<b>Lao động - thu nhập</b>				
	- Lao động	người	302	268	
	- Thu nhập bình quân	đồng/ng/th	6.155.000	6.570.000	

(Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC)

### 3. Các giải pháp tài chính cần thực hiện trong năm 2018 :

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện trong những năm qua và Kế hoạch sản xuất kinh năm 2018, để giải quyết được vấn đề khó khăn về tài chính cần phải giải quyết được vấn đề mất cân đối nguồn vốn và lỗ lũy kế (lỗ lũy kế đến 31/12/2017 là 141.162 triệu đồng). Đây là vấn đề mấu chốt quan trọng cần phải thực hiện trong ít nhất 3 - 4 năm tới. Đánh giá được các tồn tại, các hạn chế và các mặt chưa đạt được trong năm 2017, để kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được hoàn thành, các công việc trọng tâm cần phải thực hiện như sau:

+ Tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để giảm chi phí cố định đơn vị, sử dụng hiệu quả kinh tế theo quy mô để tối đa hóa lợi nhuận gộp. Tăng chất lượng sản phẩm bán ra và dịch vụ cung cấp để có thể bán hàng với giá cao hơn và cạnh tranh tốt hơn với các đối thủ khác.

+ Tích cực thu hồi số công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước (khoảng 6.549 triệu đồng) nhằm bù đắp số dự phòng phải thu khó đòi đã trích và hạn chế việc trích lập thêm dự phòng phải thu khó đòi trong thời gian tới.

+ Xây dựng kế hoạch trả nợ cụ thể cho các nhà thầu xây lắp và các nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu.

+ Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp có năng lực chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc. sẵn sàng đối diện và hoàn thành tốt công việc trong môi trường cạnh tranh, áp lực cao. Cần có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự các cấp để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh. Kết hợp hài hòa biện pháp giáo dục, hành chính với biện pháp kinh tế (chính sách tiền lương, tiền

thường) để động viên người lao động yên tâm làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động tự giác thực hiện nhiệm vụ của mình với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị điều hành thông qua việc xây dựng và ban hành các quy định về quản trị nội bộ, đặc biệt là việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, vật tư đối với từng công đoạn sản xuất kinh doanh; nghiên cứu xây dựng và đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí nội bộ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo dự thảo tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty năm 2017, kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến chỉ đạo giải quyết các vấn đề trên và đưa ra các ý kiến xây dựng Phương án sản xuất kinh doanh năm 2018 tối ưu nhất giảm lỗ và lỗ lũy kế, khắc phục tình trạng mất cân đối vốn như hiện nay.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trưởng ban KS;
- Lưu TCKT - VP.

**PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**



**Vũ Anh Phương**